

Số: 26/KH-UBND

Tuyên Quang, ngày 08 tháng 02 năm 2025

KẾ HOẠCH

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025

Thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025 (Nghị quyết số 02/NQ-CP), Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Kế hoạch thực hiện với những nội dung cụ thể như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Với sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt và nỗ lực của cả hệ thống chính trị nhằm cải thiện mạnh mẽ và thực chất môi trường đầu tư kinh doanh, đã góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh Tuyên Quang (PCI), năm 2023 đạt 65,45 điểm, tăng 2,59 điểm so với năm 2022 (trong đó 08/10 chỉ số thành phần tăng điểm: Gia nhập thị trường, tăng 0,65 điểm; Tiếp cận đất đai, tăng 0,27 điểm; Chi phí thời gian, tăng 1,49 điểm; Chi phí không chính thức, tăng 0,04 điểm; Tính năng động và tiên phong của chính quyền, tăng 0,51 điểm; Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tăng 0,68 điểm; Đào tạo lao động, tăng 0,13 điểm; Thiết chế pháp lý & An ninh trật tự, tăng 0,15 điểm; Có 02/10 chỉ số thành phần giảm điểm là: Tính Minh bạch, giảm 0,13 điểm; Cạnh tranh bình đẳng, giảm 0,81 điểm). Một số chỉ số điểm thành phần có tăng nhưng vẫn thấp hơn so với điểm trung vị của cả nước như: Chi phí không chính thức (đạt 6,90 điểm, thấp hơn 0,15 so với điểm trung vị); Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp (đạt 5,55 điểm, thấp hơn 0,9 điểm so với điểm trung vị); Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự (đạt 7,25 điểm, thấp hơn 0,27 điểm so với điểm trung vị).

Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) năm 2023 của tỉnh Tuyên Quang là 20,08 điểm, tăng mạnh so với năm 2022, cụ thể: (1) Chỉ số “Giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu (cho doanh nghiệp)” đạt 5,38 điểm (tăng 1,98 điểm); (2) Chỉ số “Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu” đạt 5,93 điểm (tăng 1,36 điểm); (3) Chỉ số “Vai trò lãnh đạo của chính quyền tỉnh trong thúc đẩy thực hành Xanh” đạt 3,72 điểm (tăng 0,37 điểm); (4) Chỉ số “Chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong bảo vệ môi trường” đạt 5,06 điểm (tăng 3,27 điểm).

Như vậy, với kết quả Chỉ số (PCI) và (PGI) năm 2023 cho thấy môi trường kinh doanh của tỉnh Tuyên Quang đã được cải thiện. Kết quả, năm 2024 hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đã có sự khởi sắc hơn;

các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh được triển khai đồng bộ, chương trình chuyển đổi số, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến được tỉnh chỉ đạo triển khai quyết liệt.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế trong công tác cải thiện môi trường kinh doanh dẫn tới tăng trưởng về số doanh nghiệp thành lập mới, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, vốn đăng ký giảm so với cùng kỳ năm 2023. Sự phối hợp giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong việc giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp có lúc, có nơi chưa kịp thời làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh; thủ tục hành chính mặc dù được quan tâm cắt giảm nhưng vẫn còn rườm rà, phức tạp; còn tình trạng trễ hẹn trong giải quyết và trả kết quả giải quyết, đặc biệt là ở lĩnh vực đất đai.

Dự báo năm 2025 các thuận lợi, khó khăn tiếp tục đan xen. Trong bối cảnh đó, cải thiện môi trường kinh doanh vẫn là yêu cầu cấp thiết để củng cố niềm tin, tạo thêm động lực cho doanh nghiệp; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và phát triển kinh tế của tỉnh. Đây là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên, đòi hỏi sự vào cuộc mạnh mẽ, thực chất và quyết liệt hơn nữa của các cấp, các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025.

2. Yêu cầu

Các nhiệm vụ và giải pháp tổ chức thực hiện phải bám sát các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ; nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện, xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố để tập trung thực hiện đồng bộ, kịp thời, hiệu quả. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ tại đơn vị.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh nhằm thích ứng với bối cảnh và xu thế phát triển của nền kinh tế hiện nay. Tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, tăng nhanh về số lượng doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp có hoạt động đổi mới, sáng tạo; giảm tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động; giảm chi phí đầu vào và chi phí

tuan thủ trong hoạt động đầu tư, kinh doanh đồng thời củng cố niềm tin, tạo điểm tựa cho doanh nghiệp phục hồi và phát triển; qua đó nâng cao vị thế của tỉnh trên bảng xếp hạng của cả nước.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2025

- Tiếp tục nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và cải thiện các chỉ số thành phần, phần đầu vị trí xếp hạng (PCI) của tỉnh nằm trong các tỉnh có điểm số khá của cả nước, điểm số đạt trên 68,5 điểm.

- Phần đầu 04 Chỉ số thành phần của Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) tăng điểm và cao hơn hoặc bằng điểm trung vị của cả nước năm 2024, nằm trong các tỉnh có điểm số khá của cả nước, điểm số đạt trên 23,3 điểm.

- Phần đầu trong năm 2025 có trên 350 doanh nghiệp được thành lập mới, nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trên 3.000 doanh nghiệp.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tháo gỡ vướng mắc trong thực hiện dự án đầu tư

a) Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương; Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

- Nắm bắt kịp thời bất cập trong thực hiện các văn bản pháp luật liên quan đến doanh nghiệp trong thực hiện dự án đầu tư như: Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường ... và các văn bản hướng dẫn thi hành để kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, hoặc sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền nhằm kịp thời tháo gỡ các bất cập.

- Thực hiện tốt việc kiểm tra và xử lý sau kiểm tra các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh nhằm nắm bắt và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc bất cập mà các doanh nghiệp đang gặp phải trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường.

b) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố trong phạm vi thẩm quyền, chủ động nghiên cứu, rà soát khẩn trương tháo gỡ triệt để các vướng mắc trong hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo, mâu thuẫn, không hợp lý đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết; đối với các vấn đề phát sinh ngoài thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh thì gửi kiến nghị tới các Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nâng cao chất lượng danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện kinh doanh

Các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương:

- Chủ động nghiên cứu, rà soát ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực quản lý; đề xuất, kiến nghị đưa ra khỏi danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện đối với những ngành nghề có thể áp dụng các biện pháp quản lý khác hiệu quả hơn.

- Chủ động rà soát, kiến nghị bãi bỏ các điều kiện kinh doanh theo hướng: Bãi bỏ điều kiện kinh doanh không hợp pháp, không cần thiết, không khả thi,

không rõ ràng, khó xác định, khó dự đoán và không dựa trên cơ sở khoa học rõ ràng. Đối với các điều kiện kinh doanh không phù hợp với thực tiễn thì kiến nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi theo hướng đơn giản hoá, tạo thuận lợi, giảm chi phí tuân thủ và không can thiệp quá sâu vào hoạt động của doanh nghiệp; rà soát các loại chứng chỉ và kiến nghị bãi bỏ chứng chỉ không cần thiết, thu gọn các loại chứng chỉ có sự trùng lặp về nội dung để tránh lãng phí chi phí của xã hội.

- Thực hiện cập nhật, đề nghị cấp có thẩm quyền cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, minh bạch, dễ tra cứu, dễ hiểu và dễ tiếp cận của hệ thống pháp luật. Đẩy mạnh thực hiện kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật, Công tham vấn và tra cứu quy định kinh doanh với các cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin liên quan khác để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình tra cứu, khai thác các thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh.

3. Tháo gỡ các điểm nghẽn, xây dựng giải pháp đột phá về thể chế, cơ chế chính sách ưu đãi để thu hút, chuyển giao, làm chủ công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến

a) Các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương: Nghiên cứu, rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật gắn với việc thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý và triển khai thực hiện, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản để phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

b) Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, góp ý (nếu có) đối với Luật Khoa học, công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Công nghệ cao nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao, công nghệ mới, tiên tiến.

c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, góp ý (nếu có) đối với Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi), trong đó, quy định cụ thể nguyên tắc và đối tượng áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp để thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nhân lực.

4. Đổi mới công tác quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa và triển khai hiệu quả Cổng thông tin một cửa quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh

a) Các sở, ngành: Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh:

- Nghiên cứu, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý, kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại các văn bản pháp luật về quản

lý, kiểm tra chuyên ngành theo hướng: Áp dụng đầy đủ nguyên tắc về quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp và mức độ rủi ro của hàng hóa; phân biệt những vi phạm nhỏ mang tính hành chính, không ảnh hưởng đến giá trị và chất lượng của hàng hóa; Đơn giản hóa hồ sơ, quy trình, rút ngắn tối đa thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

- Nhân rộng kinh nghiệm, chính sách tốt đã được chứng minh hiệu quả về cách thức quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp như các nguyên tắc quản lý theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành sau khi hàng hóa thông quan, lưu thông trên thị trường. Áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan hải quan đối với hàng hoá sau thông quan; giảm thiểu kiểm tra đối với những doanh nghiệp có quá trình chấp hành tốt và không có lịch sử vi phạm các quy định pháp luật.

- Nâng cấp, hoàn thiện và triển khai hiệu quả, thực chất thủ tục hành chính điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và các hệ thống thông tin dữ liệu chuyên ngành.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, góp ý (nếu có) để hoàn thiện chính sách quản lý thuế và hải quan để tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển.

c) Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố liên quan thực hiện ngay việc áp dụng và triển khai mạnh mẽ thủ tục hành chính trên môi trường điện tử đối với đăng ký, công bố thực phẩm. Miễn giảm yêu cầu về kiểm nghiệm thông qua việc chấp nhận các phiếu kiểm nghiệm mà doanh nghiệp đã thực hiện trong quá trình áp dụng các hệ thống chất lượng tiên tiến. Đối với sản phẩm thực phẩm có nguy cơ cao, sử dụng sai mục đích, chứa chất cấm,.. cần thực hiện kiểm soát chặt chẽ.

5. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước để nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 02/01/2025.

- Tăng cường kiểm soát quy định thủ tục hành chính ngay trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chú trọng việc tham vấn đối tượng chịu tác động; bảo đảm chỉ ban hành các quy định đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý, thực hiện trên môi trường điện tử và chi phí tuân thủ thấp nhất, trong đó phát huy vai trò của Sở Tư pháp trong việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

- Công bố, công khai kịp thời các thủ tục hành chính, bao gồm các thủ tục hành chính giải quyết cho người dân, doanh nghiệp, các thủ tục hành chính nội bộ. Giúp các cơ quan quản lý nhà nước tăng trách nhiệm giải trình, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tập trung, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; số hóa hồ sơ, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính; tái sử dụng thông tin, dữ liệu được số hóa và kết nối, chia sẻ, đồng bộ giữa các hệ thống thông tin khi giải quyết thủ tục hành chính.

- Thường xuyên rà soát, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số hiện nay, đồng thời bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong quá trình thực hiện theo quy định.

6. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phát triển kinh doanh

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố:

- Nâng cao hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa; chú trọng giải pháp tư vấn, đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp với các nội dung tái cấu trúc doanh nghiệp, tài chính, nhân sự, thị trường, quản trị rủi ro, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, tham gia chuỗi giá trị bền vững, thủ tục hành chính,...

- Đa dạng hóa và phát triển hiệu quả hệ thống dịch vụ phát triển kinh doanh, vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở kỹ thuật dùng chung, hỗ trợ doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Triển khai các hoạt động cung cấp thông tin, kết nối, mở rộng thị trường cho doanh nghiệp. Đặc biệt, chú trọng tổ chức các chương trình xúc tiến thương mại đến các thị trường trong và ngoài nước.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố: Đẩy mạnh công tác hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất.

d) Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tuyên truyền và nâng cao hiệu quả công tác hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp khai thác, tận dụng cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do. Đồng thời, thông tin, kết nối đến các doanh nghiệp thành viên tiếp cận các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuyển đổi số, mở rộng thị trường, phát triển nguồn nhân lực, áp dụng các mô hình chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững.

7. Về hoạt động thanh tra doanh nghiệp: Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan rà soát, xử lý chồng chéo, trùng lặp kế hoạch thanh tra, đảm bảo hoạt động thanh tra có hiệu lực, hiệu quả, không gây cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ các nhiệm

vụ được giao trong Kế hoạch này và các Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh để tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo tình hình và kết quả triển khai Kế hoạch này theo quy định, trong đó báo cáo 6 tháng (trước ngày 10/6/2025) và báo cáo năm (trước 10/12/2025) gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp báo cáo Chính phủ theo quy định.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Kế hoạch này; kịp thời tham mưu đề xuất nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ theo quy định.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đầu mối chung đối với các nhiệm vụ về cải cách thủ tục hành chính, kết quả theo dõi được đề xuất công bố hàng tháng lồng ghép cùng kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên địa bàn tỉnh theo quy định.

4. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tiến hành các thủ tục để khảo sát, đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và huyện, thành phố tỉnh Tuyên Quang (DDCI) sau khi hoàn thành việc sắp xếp, tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp, hiệu quả, đúng theo quy định.

5. Các cơ quan thông tấn, báo chí trên địa bàn tỉnh, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tăng cường tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Kế hoạch này và các chương trình, kế hoạch, văn bản thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Liên đoàn TM và CN Việt Nam; (báo cáo)
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Báo Tuyên Quang, Đài PTTH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Tuấn

PHỤ LỤC I
CHỈ TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP
TRONG THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, DỊCH VỤ CÔNG
(Kèm theo Kế hoạch số: 26/KH-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2025	Cơ quan thực hiện	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	%	100	Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
2	Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa	%	Tối thiểu 50	Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
3	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	%	100	Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
4	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp	%	Tối thiểu 90	Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh